

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 10-02-2022
V/v tranh chấp: Xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Nghiệm**.

2. Bà **Trần Thu Hồng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Quý – kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh T.

- Bị đơn: Kim H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh T.

(chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

- Chị và anh Kim H sống chung với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh T vào ngày 18/5/2009. Thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó thì sống không còn hạnh phúc nữa, nguyên nhân là do chị và anh H bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, cự cãi với nhau. Nay tình cảm không còn, không thể hàn gắn lại được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Kim H.

Về con chung: Có 01 con chung gồm:

- Kim Minh T, sinh ngày 20/10/2009.

Hiện nay cháu Kim Minh T, sinh ngày 20/10/2009 đang sống chung với chị N. Nay chị N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Kim H vắng mặt, anh H mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết N với anh Kim H.

- Về con chung: Giao cháu Kim Minh T, sinh ngày 20/10/2009 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N có đơn xin vắng mặt xét xử nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

Bị đơn anh Kim H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Kim H sống chung với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh T vào ngày 18/5/2009. Thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó thì sống không còn hạnh phúc nữa, nguyên nhân là do chị N và anh H bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, cự cãi. Nay tình cảm không còn, không thể hàn gắn lại được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh H là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 01 con chung gồm:

- Kim Minh T, sinh ngày 20/10/2009.

Hiện nay cháu Kim Minh T, sinh ngày 20/10/2009 đang sống chung với chị N. Nay chị N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết N.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với anh Kim H.

- Về con chung: Giao cháu Kim Minh T, sinh ngày 20/10/2009 cho chị Nguyễn Thị Tuyết N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí HNST: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0005766 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G được căn trừ xem như chị N đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn chị N và bị đơn anh H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chị N, anh H nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- UBND xã V, huyện G, tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thanh Trinh